

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Xẻo Nhàu, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ quyết định số 44/2005/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2005 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 964 /TTr-SXD ngày 04 tháng 10 năm 2007 về việc xin phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Xẻo Nhàu tại xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang - tỷ lệ 1/500,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Xẻo Nhàu tại xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang - tỷ lệ 1/500 với các nội dung sau:

1. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch.

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch xây dựng rộng 58,35 ha thuộc xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp kênh Giữa.
- Phía Nam giáp kênh Xẻo Nhàu.
- Phía Đông giáp kênh Đê Canh Nông.
- Phía Tây giáp kênh Đê Quốc Phòng.

2. Tính chất.

Là khu dân cư đô thị mới xã Tân Thạnh thuộc huyện An Minh.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu.

- Quy mô dân số: Sau khi thực hiện quy hoạch bố trí được khoảng 7.280 người.
- Chỉ tiêu đất dân dụng đô thị : 80m²/người.

Trong đó bao gồm:

- + Chỉ tiêu đất ở : 45 ÷ 55 m²/người.
- + Chỉ tiêu đất cây xanh : 14 ÷ 16 m²/người.
- + Chỉ tiêu đất CTCC : 3 ÷ 3,5 m²/người.
- + Chỉ tiêu đất giao thông : 12 ÷ 14 m²/người.
- Chỉ tiêu cấp nước : 120lít/người/ngày đêm.
- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt : 200 Kwh/người/năm.

4. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc và quy hoạch sử dụng đất đai.

4.1. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc.

- Khu đô thị mới được giới hạn bởi hệ thống kênh rạch và liên hệ với khu đô thị liền kề qua đường lộ Chín Rười. Trong khu đô thị tổ chức 3 tuyến trục chính cảnh quan nối kết các không gian chức năng với nhau cụ thể: Trục chính 1 kết nối từ kênh Giữa và kênh Xẻo Nhàu, điểm đầu là khu hành chính tập trung đi qua khu thương mại dịch vụ, và dãy nhà phố thương mại; trục chính 2 là trục đường Chín Rười kết nối với các khu đô thị đi Thứ 11, trên trục này bố trí các dãy nhà phố 3 tầng và một số điểm nhân cục bộ; trục chính 3 là trục trung tâm giữa kết nối khu thương mại với khu công viên cây xanh.

- Các trục đường nội ô bố trí song song và vuông góc với các trục đường chính phân thành các ô phố với việc tổ chức các công trình thương mại, giáo dục, y tế có bán kính phục vụ hợp lý cho các tiểu khu.

- Hệ thống cây xanh trong khu đô thị được bố trí tập trung ở vị trí trung tâm đô thị kết hợp mặt nước lớn cải tạo vi khí hậu và các loại hình thể thao phục vụ cho người dân của đô thị.

- Khu ở hiện trạng tại góc kênh Xẻo Nhàu và kênh Đê Quốc phòng được định hướng chỉnh trang giữ lại gắn liền dân cư bản vùng sông nước.

4.2. Quy hoạch sử dụng đất đai.

Tổng diện tích quy hoạch xây dựng rộng 582.988,58m², được cơ cấu sử dụng như sau :

- Đất ở quy hoạch mới:	Chiếm diện tích đất 214.293,44m ² ,	tỷ lệ 36,76 %.
- Đất dân cư chỉnh trang:	Chiếm diện tích đất 189.959,95m ² ,	tỷ lệ 3,25 %.
- Đất hành chính sự nghiệp:	Chiếm diện tích đất 4.975,00m ² ,	tỷ lệ 0,85 %.
- Đất công trình công cộng:	Chiếm diện tích đất 61.563,79m ² ,	tỷ lệ 10,56 %.
- Đất công viên cây xanh:	Chiếm diện tích đất 88.368,02m ² ,	tỷ lệ 15,16 %.

- Đất công trình đầu mối, bến bãi:	Chiếm diện tích đất 13.303,54m ² ,	tỷ lệ 2,28 %.
- Đất giao thông:	Chiếm diện tích đất 165.764,11m ² ,	tỷ lệ 28,43 %.
- Mặt nước:	Chiếm diện tích đất 6.056,65m ² ,	tỷ lệ 1,04 %.
- Đất mở rộng kênh:	Chiếm diện tích đất 5.108,03m ² ,	tỷ lệ 0,88 %.
- Đất khác:	Chiếm diện tích đất 2.464,45m ² ,	tỷ lệ 0,42 %.
- Đất dự trữ:	Chiếm diện tích đất 2.131,60m ² ,	tỷ lệ 0,37 %.

5. Thiết kế đô thị và quy hoạch xây dựng hạ tầng xã hội.

5.1. Nhà ở.

a) *Nhà phố*: Bố trí tập trung dọc các trục chính của đô thị và quanh khu vực chợ chiếm tổng diện tích đất 114.293,63m², diện tích xây dựng trung bình 135m²/lô, mật độ xây dựng 90%, tầng cao xây dựng 3 tầng. Gồm 879 lô đất trong 16 ô quy hoạch cụ thể:

- Ô quy hoạch L1: Bố trí 35 lô,	diện tích chiếm đất	5.628,43 m ² .
- Ô quy hoạch L2: Bố trí 50 lô,	diện tích chiếm đất	6.727,65m ² .
- Ô quy hoạch L3: Bố trí 57 lô,	diện tích chiếm đất	7.416,71m ² .
- Ô quy hoạch L4: Bố trí 62 lô,	diện tích chiếm đất	7.881,0m ² .
- Ô quy hoạch L5: Bố trí 62 lô,	diện tích chiếm đất	7.625,0m ² .
- Ô quy hoạch L6: Bố trí 61 lô,	diện tích chiếm đất	7.626,56m ² .
- Ô quy hoạch L7: Bố trí 56 lô,	diện tích chiếm đất	7.154,13m ² .
- Ô quy hoạch L8: Bố trí 61 lô,	diện tích chiếm đất	7.855,25m ² .
- Ô quy hoạch L9: Bố trí 54 lô,	diện tích chiếm đất	6.895,02m ² .
- Ô quy hoạch L10: Bố trí 62 lô,	diện tích chiếm đất	7.855,25m ² .
- Ô quy hoạch L11: Bố trí 47 lô,	diện tích chiếm đất	6.181,50m ² .
- Ô quy hoạch L12: Bố trí 56 lô,	diện tích chiếm đất	7.855,25m ² .
- Ô quy hoạch L13: Bố trí 65 lô,	diện tích chiếm đất	8.550,48m ² .
- Ô quy hoạch L14: Bố trí 56 lô,	diện tích chiếm đất	7.058,44m ² .
- Ô quy hoạch L15: Bố trí 57 lô,	diện tích chiếm đất	7.191,96m ² .
- Ô quy hoạch L16: Bố trí 38 lô,	diện tích chiếm đất	4.791,0m ² .

b) *Nhà vườn quy hoạch mới*: Được bố trí ở các khu vực ven kênh, chiếm tổng diện tích đất khoảng 85.341,81m², diện tích đất trung bình 280 m²/lô, mật độ xây dựng 60%, tầng cao xây dựng 2 tầng, gồm 322 lô đất trong 09 ô quy hoạch cụ thể:

- Ô quy hoạch V1: Bố trí 37 lô,	diện tích chiếm đất	8.936,78m ² .
- Ô quy hoạch V2: Bố trí 36 lô,	diện tích chiếm đất	8.914,21m ² .

- Ô quy hoạch V3: Bố trí 34 lô, diện tích chiếm đất 8.683,0m².
- Ô quy hoạch V4: Bố trí 34 lô, diện tích chiếm đất 8.818,14m².
- Ô quy hoạch V5: Bố trí 40 lô, diện tích chiếm đất 11.051,5m².
- Ô quy hoạch V6: Bố trí 40 lô, diện tích chiếm đất 12.125,85m².
- Ô quy hoạch V7: Bố trí 26 lô, diện tích chiếm đất 7.265,6m².
- Ô quy hoạch V8: Bố trí 28 lô, diện tích chiếm đất 7.717,74m².
- Ô quy hoạch V9: Bố trí 47 lô, diện tích chiếm đất 11.828,99m².

c) *Khu nhà vườn chỉnh trang*: Có vị trí nằm ngay ngã ba kênh Xẻo Nhàu và kênh Đê Quốc Phòng khu này với tính chất dân cư hiện trạng, chọn giải pháp chỉnh trang cải tạo giữ lại bản sắc khu dân cư vùng sông nước, tổng diện tích chiếm đất 18.959,95 m², mật độ xây dựng 60%, tầng cao xây dựng 2 tầng, gồm 4 ô quy hoạch cụ thể:

- Ô quy hoạch B1: Diện tích chiếm đất 8.313,42 m².
- Ô quy hoạch B2: Diện tích chiếm đất 4.281,86m².
- Ô quy hoạch B3: Diện tích chiếm đất 5.300,61m².
- Ô quy hoạch B4: Diện tích chiếm đất 1.064,06m².

d) *Nhà ở cao tầng*: Nhằm giải quyết nhu cầu ở cho người có thu nhập thấp và gia đình chính sách bố trí khu chung cư kí hiệu (H1) ở khu vực phía Bắc của đô thị, với tổng diện tích chiếm đất 14.658 m², mật độ xây dựng 40%, tầng cao xây dựng 05 tầng .

5.3. Công trình công cộng.

- *Công trình nhà trẻ- mẫu giáo*: Bố trí trong ô đất kí hiệu (C5) gần công viên cây xanh đô thị, với tổng diện tích chiếm đất 7.418,32 m², tầng cao xây dựng 02 tầng, mật độ xây dựng 45 % .

- *Trường cấp I*: Bố trí trong ô đất kí hiệu (C6) gần khu hành chính đô thị, với tổng diện tích đất 8.831,16 m², mật độ xây dựng 40 %, tầng cao xây dựng 01 tầng.

- *Trường cấp II*: Bố trí trong ô đất kí hiệu (C4) gần khu công viên cây xanh, với tổng diện tích đất 25.406,93 m², tầng cao xây dựng từ 03 tầng, mật độ xây dựng 40%. Công trình được bố trí nằm độc lập với các công trình khác có sân thể thao trong khuôn viên trường nhằm nâng cao thể lực cho học sinh.

- *Phòng khám đa khoa*: Bố trí trong ô đất kí hiệu (C8) tiếp giáp kênh Xẻo Nhàu, với tổng diện tích đất 2.189,31m², tầng cao xây dựng 02 tầng, mật độ xây dựng 45%.

- *Ủy ban nhân dân cấp thị trấn*: Bố trí trong ô đất kí hiệu (C7), với tổng diện tích đất 4.975m² , tầng cao xây dựng 02 tầng, mật độ xây dựng 20%.

- *Nhà văn hóa*: Bố trí trong ô đất kí hiệu (C10) trên trục đường thứ Chín Rươi, với tổng diện tích chiếm đất 2.277,64 m², tầng cao xây dựng 02 tầng, mật độ xây dựng 45%.

5.4 Công trình dịch vụ- thương mại.

- *Chợ nông sản*: Bố trí trong ô đất có kí hiệu (C1) ở khu vực phía Tây Bắc của đô thị, với tổng diện tích chiếm đất 8.871,31m², tầng cao xây dựng 01 tầng, mật độ xây dựng 45 %.

- *Chợ bách hóa*: Được bố trí trong ô đất có kí hiệu (C2) ở khu vực phía Tây Bắc của đô thị giáp với chợ nông sản, với tổng diện tích chiếm đất 12.373m², tầng cao xây dựng 02 tầng, mật độ xây dựng 45 % .

- *Bưu điện*: Được bố trí trong ô đất có kí hiệu (C12) gần khu hành chính của đô thị, với tổng diện tích chiếm đất 331,07 m², tầng cao xây dựng 02 tầng, mật độ xây dựng 40%.

5.5. Quy hoạch công viên cây xanh đô thị.

Hệ thống cây xanh trong đô thị được tổ chức thành 3 dạng chính bao gồm:

- *Công viên cây xanh tập trung*: Bố trí trong ô đất có kí hiệu (A2), tổng diện tích chiếm đất 30.004,17m², tầng cao xây dựng 01 tầng, mật độ xây dựng 5% .

- *Công viên phân tán*: Tổng diện tích chiếm đất 38.453,92m², tầng cao xây dựng 01 tầng, mật độ xây dựng 5%, bố trí trong 04 ô quy hoạch cụ thể:

- + Ô quy hoạch kí hiệu A3, diện tích chiếm đất 10.578,39 m²
- + Ô quy hoạch kí hiệu A4, diện tích chiếm đất 3.273,42 m²
- + Ô quy hoạch kí hiệu A5, diện tích chiếm đất 4.813,37 m²
- + Ô quy hoạch kí hiệu A6, diện tích chiếm đất 19.788,74 m²

- *Cây xanh cách ly*: Tổng diện tích chiếm đất 16.359,55 m² , bố trí trong 06 ô quy hoạch cụ thể:

- + Ô quy hoạch kí hiệu A7, diện tích chiếm đất 1.719,89 m²
- + Ô quy hoạch kí hiệu A8, diện tích chiếm đất 2.333,07 m²
- + Ô quy hoạch kí hiệu A9, diện tích chiếm đất 1.255,45 m²
- + Ô quy hoạch kí hiệu A10, diện tích chiếm đất 4.157,50 m²
- + Ô quy hoạch kí hiệu A11, diện tích chiếm đất 3.613,41 m²
- + Ô quy hoạch kí hiệu A12, diện tích chiếm đất 3.280,23 m²

5.6. Quy hoạch các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

- *Bến lên hàng khu chợ*: Được bố trí trong ô đất có kí hiệu (C11) tiếp giáp với kênh Đê Biên, với tổng diện tích chiếm đất 9.192,36m², mật độ xây dựng 15%, tầng cao xây dựng 01 tầng .

- *Khu xử lý nước thải*: Được bố trí trong ô đất có kí hiệu (C3) tiếp giáp với kênh Giữa, tổng diện tích đất 4.111,18m², mật độ xây dựng 10%, tầng cao xây dựng 01 tầng.

- *Trạm dừng xe*: Được bố trí trong ô đất có kí hiệu (C9) cặp tuyến đường Chín Rươi, tổng diện tích đất 2.909,48m², mật độ xây dựng 45%, tầng cao xây

dụng 02 tầng .

6. Quy hoạch xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

6.1. Quy hoạch hệ thống giao thông.

a) Đường trục chính đô thị.

- Mặt cắt (3-3) đường 18 (đoạn từ đường 19 đến đường 6) lộ giới rộng 36m, trong đó mặt đường mỗi bên rộng 9m, dải phân cách cây xanh rộng 4m, vỉa hè mỗi bên rộng 7m, chiều dài đoạn tuyến khoảng 407,5m.

- Mặt cắt (4-4) đường 20, lộ giới rộng 26m trong đó mặt đường mỗi bên rộng 6m, dải phân cách cây xanh rộng 4m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m, chiều dài đoạn tuyến khoảng 141m.

- Mặt cắt (1-1) đường 11, đường 18 (đoạn từ đường 6 đến đường 1): Lộ giới rộng 24m, trong đó mặt đường chính rộng 10m, vỉa hè mỗi bên rộng 7m. Tổng chiều dài đoạn tuyến khoảng 908,9m.

- Mặt cắt (2-2) đường 18 (đoạn từ đường 6 đến đường 1): Lộ giới rộng 22m, trong đó mặt đường chính rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 7m x 2. Tổng chiều dài đoạn tuyến khoảng 311,5m.

b) Đường khu ở.

- Mặt cắt (9-9) đường 16 (đoạn từ đường 6 đến đường 7) lộ giới rộng 20m, trong đó mặt đường rộng 6m, vỉa hè mỗi bên rộng 7m, chiều dài đoạn tuyến khoảng 104m.

- Mặt cắt (8-8) gồm các đường 6, 7, lộ giới rộng 18 m, trong đó mặt đường rộng 6m, vỉa hè rộng 7m và 5m, chiều dài đoạn tuyến khoảng 631,2m.

- Mặt cắt (5-5); (6-6); (7-7); (10-10); (16-16) gồm các đường 1, 2, 4, 5, 9, 10, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 21, 22, 23, lộ giới rộng 16m, trong đó mặt đường rộng 6m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m, chiều dài đoạn tuyến khoảng 5774,2m.

- Mặt cắt (12-12); (15-15) đường 12 (đoạn khu hành chính đô thị), lộ giới rộng 14m, trong đó lòng đường rộng 4m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m, chiều dài đoạn tuyến khoảng 173,2m

- Mặt cắt (11-11) đường 12 (đoạn ngã ba kênh Xèo Nhàu và kênh Đê Biền), lộ giới rộng 12m, trong đó lòng đường rộng 4m, vỉa hè phía dân cư rộng 3m phía bờ kênh rộng 5m, chiều dài đoạn tuyến khoảng 370m.

- Mặt cắt (13-13) đường 12 (đoạn kênh đê bao), lộ giới rộng 9m trong đó lòng đường rộng 4m, vỉa hè phía dân cư rộng 3m phía bờ kênh rộng 2m, chiều dài đoạn tuyến khoảng 305,4m.

- Mặt cắt (14-14) đường hẻm khu dân cư chính trang, lộ giới rộng 4m, chiều dài đoạn tuyến khoảng 221m.

* *Kết cấu mặt đường:* Láng nhựa và bê-tông xi măng.

6.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng.

a) Quy hoạch san nền.

- San nền dựa trên độ dốc tự nhiên của địa hình và độ dốc thiết kế của đường Chín Rươi (đường số 11), với cao độ thiết kế cao hơn tần suất lũ cao nhất là +0,5m.

- Tổng diện tích san lấp : 53,23 ha.
- Cao độ thiết kế trung bình : +1,6m.
- Cao độ san lấp trung bình : +1,25m
- Tổng khối lượng san lấp : 695.763,76 m³
- Nguồn vật liệu san lấp chủ yếu bằng cát đen vận chuyển từ nơi khác đến và nạo vét kênh rạch.

b) Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt.

- Toàn bộ hệ thống thoát nước mặt được chảy theo độ dốc thiết kế và thoát ra các kênh sông trong khu vực thông qua các cửa xả.

- Tổng chiều dài các tuyến cống thoát 15.376 m
- Khối lượng vật tư chủ yếu bao gồm:
 - + Chiều dài cống BT ly tâm D1000 : 495 m.
 - + Chiều dài cống BT ly tâm D800 : 1.946 m.
 - + Chiều dài cống BT ly tâm D600 : 12.935 m.
 - + Cửa xả D1800 : 04 cái.
 - + Hồ ga các loại : 575 cái.

6.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước bản và vệ sinh môi trường.

a) Quy hoạch thoát nước bản sinh hoạt.

- Nước thải sau khi xử lý cục bộ tại các công trình, được thu gom bằng hệ thống cống chung và được đưa về trạm xử lý tập trung ở phía Bắc khu đô thị.

- Tổng lưu lượng nước thải trong khu quy hoạch: $Q = 982,3 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

- Khối lượng vật tư chủ yếu bao gồm:
 - + Chiều dài cống BTCT D400 : 11.120,5m.
 - + Cửa xả D600 : 01 cái.
 - + Hồ ga các loại : 352 cái.

b) Vệ sinh môi trường.

Chất thải rắn sẽ được thu gom tại các khu vực công cộng và các khu nhà ở, sau đó sẽ được tập trung và đưa về bãi chôn lấp rác của đô thị.

6.4. Quy hoạch cấp nước.

- Nguồn nước sử dụng cho khu đô thị được lấy từ trạm cấp nước đặt ở góc kênh Giữa và kênh Canh Nông.

- Tổng nhu cầu dùng nước 1.653 m³/ngày đêm.

- Khối lượng vật tư chủ yếu:

+ Chiều dài ống uPVC D200	:	262 m.
+ Chiều dài ống uPVC D150	:	1.985,5 m.
+ Chiều dài ống uPVC D100	:	4.121,5 m.
+ Chiều dài ống uPVC D80	:	8.740,0 m.
+ Họng chữa cháy	:	22 cái.

6.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện.

- Nguồn điện được lấy từ tuyến điện 22Kv dọc trên đường lộ Chín Rươi đi Thờ 11 hiện hữu cung cấp cho khu đô thị.

- Tổng công suất tính toán cho toàn khu: 2.398 KVA.

- Khối lượng vật tư chủ yếu:

+ Dây trung thế 22kv các loại	:	1.898m.
+ Dây hạ thế chiếu sáng	:	431m.
+ Dây hạ thế 0.4kv	:	10.916m.
+ Trụ BT ly tâm 8,5m các loại	:	382 trụ.
+ Trụ BT ly tâm 12 m các loại	:	36 trụ.
+ Trạm biến áp các loại	:	11 trạm.

6.6 Hệ thống chiếu sáng công cộng.

- Hệ thống chiếu sáng công cộng xác định trên nguyên tắc chiếu sáng tập chung trên các tuyến đường và chiếu sáng phân tán trong công viên, sử dụng mạng điện hạ thế cung cấp điện chiếu sáng cho khu quy hoạch.

- Khối lượng vật tư chủ yếu:

+ Cần đèn các loại	:	282 bộ.
+ Trụ cần đèn các loại	:	09 bộ.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện An Minh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, chức năng:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố, cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa khu vực quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Xẻo Nhàu, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tỷ lệ 1/500 để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện và giám sát thực hiện;

- Hoàn chỉnh quy định về quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành làm cơ sở quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt;

- Triển khai lập dự án đầu tư xây dựng, lập các thủ tục thu hồi và giao cấp đất, giải phóng mặt bằng thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Trong quá trình triển khai lập các dự án đầu tư xây dựng phải điều chỉnh, bổ sung thực hiện các kiến nghị của Sở Xây dựng nêu tại Điểm 2.4, Khoản 2, Mục II Tờ trình số 964/TTr-SXD ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Sở Xây dựng.

Điều 3. Các Ông Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện An Minh cùng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- CT. các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP; P.KTTH; *ĐHY*
- Lưu: VT, cvdiep.

CHỦ TỊCH



Bùi Ngọc Sương